

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí

Ông Mai Văn Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 134/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1984

Số CCCD: 044084002746

Nơi cư trú: thôn Đại N 2, xã Đại T, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình (*nay thôn Đại N 2, xã Hoàn L, tỉnh Quảng Trị*); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1984

Số CMND: 194261597

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Xóm 11, thôn Phúc Tự T, xã Đại T, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình (*nay thôn Phúc Tự T, xã Hoàn L, tỉnh Quảng Trị*). Hiện cư trú tại: Số 18, ngõ 24-6 đường Trung B, quận Trung H, Đài B, Đài Loan (Taiwan); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình chuẩn bị xét xử - nguyên đơn anh Nguyễn Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện và đã kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại T, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình (nay xã Hoàn L, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 01/02/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được 12 năm thì đến năm 2024, chị T tự ý bỏ nhà đi và làm thủ tục xuất khẩu lao động tại Đài Loan mà không bàn bạc với anh. Từ đó đến nay anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị T.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2025 của bà Nguyễn Thị K là mẹ ruột của bị đơn chị Trần Thị T: Bà xác nhận hiện tại chị T đang lao động tại Đài Loan. Về việc anh T làm đơn xin ly hôn con gái bà (Trần Thị T) bà không có ý kiến gì. Qua liên lạc với chị T, bà có thông báo việc anh T làm đơn ly hôn, chị T có biết việc đó và không có ý kiến gì, đồng ý ý với yêu cầu của anh T nhưng vì hiện tại chị T lao động tự do tại Đài Loan không thể về Việt Nam tham gia phiên tòa nên xin phép vắng mặt. Vợ chồng không có con chung; về tài sản chung của vợ chồng, bà không có ý kiến gì, vợ chồng tự thỏa thuận với nhau. Bà cam đoan sẽ có trách nhiệm thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án gửi đến cho chị T biết.

Nguyên đơn anh Nguyễn Quang T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa. Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì thêm.

Bị đơn chị Trần Thị T hiện đang làm việc và cư trú tại Số 18, ngõ 24-6 đường Trung Bản, quận Trung H, Đài B, Đài Loan (Taiwan). Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với bị đơn chị Trần Thị T, tuy nhiên cho đến nay vẫn không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của chị T. Tại phiên tòa lần thứ 2 chị T tiếp tục không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn mặc dù đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt và không có ý kiến phản hồi cho Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn – anh T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; phía bị đơn chị Trần Thị T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 121, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Nguyễn Quang T được ly hôn chị Trần Thị T; Về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung của vợ chồng do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc các đương sự chịu án phí và lệ phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Theo Công văn số 1496/CV-PA08, ngày 03/6/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Quảng Bình (nay tỉnh Quảng Trị) thì chị Trần Thị T đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất từ ngày 12/01/2025, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; anh T cung cấp địa chỉ của chị T hiện đang cư trú tại Đài Loan. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã tiến hành phương thức tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua cơ quan Văn phòng đại diện Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc để tổng đạt và thu thập chứng cứ đối với chị Trần Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không có kết quả. Vì vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị cơ quan Văn phòng đại diện Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc tiến hành niêm yết công khai đơn khởi kiện của anh T, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ đối với chị T tại Văn phòng đại diện Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan này.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị cũng đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh của bị đơn và thông báo cho chị T biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa anh T và chị trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp nhưng vẫn không nhận được thông tin gì từ chị T. Phía nguyên đơn – anh Nguyễn Quang T cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 và các điểm b, c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quang T. Vụ án do thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ và đương sự có đơn đề nghị giải quyết sớm nên Tòa án ra Thông báo thay đổi thời gian xét xử để đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Quang T và chị Trần Thị T là hợp pháp. Sau khi vợ chồng kết hôn và chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau. Đặc biệt kể từ khi chị T đi làm ăn ở nước ngoài thì vợ chồng ít liên lạc, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hiện

tại giữa anh T và chị T không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị T.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Quang T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí, lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài: Anh Nguyễn Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài theo quy định của khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Quang T và chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 474; Điều 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, Điều 57, 58, 121, 123 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Quang T được ly hôn với chị Trần Thị T.

2. Về quan hệ con chung và tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp:

- Anh Nguyễn Quang T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005427 ngày 23/5/2025. Anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Quang T phải chịu 4.163.000 đồng (bốn triệu một trăm sáu mươi ba nghìn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam. Số tiền này anh T đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai, anh Nguyễn Quang T có quyền kháng cáo bản án này trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được niêm yết theo quy định; chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa